

# QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP VÀ MỞ RỘNG QUAN HỆ VIỆT NAM - LIÊN MINH CHÂU ÂU THEO ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG

TS ĐÌNH XUÂN LÝ\*

**N**gày 7- 2-1992, tại Hà Lan, các nguyên thủ của 12 quốc gia đã ký Hiệp ước Maastricht thành lập Liên minh châu Âu (EU)<sup>1</sup>. Hiện nay EU là một trong ba trung tâm kinh tế của thế giới (Mỹ - EU - Nhật Bản). Năm 2002, GDP của EU đạt 8.562 tỷ USD, chiếm 20% GDP của thế giới; xuất khẩu hàng hoá ngoại khối đạt 938 tỷ USD, chiếm 15% tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá thế giới; nhập khẩu của EU đạt 2.437 tỷ USD; đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của EU chiếm 47% tổng FDI toàn thế giới<sup>2</sup>. Năm 2003, EU trở thành khu vực đầu tư và tiếp nhận đầu tư nước ngoài lớn nhất thế giới. Đồng thời, EU cũng là một thực thể chính trị quan trọng trên trường quốc tế. Tổ chức này đã đặt quan hệ ngoại giao với trên 135 nước<sup>3</sup>.

## I. Quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu trước năm 1986

Trong quan hệ với Việt Nam, từ sau năm 1975, các nước thuộc Cộng đồng châu Âu (EC) - tiền thân của Liên minh châu Âu đã nhận thức rõ hơn vị trí quan trọng về chiến lược, về chính trị và tiềm năng kinh tế của Việt Nam. Mặt khác, theo tính toán của các nước này, việc cải thiện quan hệ với Việt Nam sẽ góp phần hạn chế bất ảnh hưởng của Liên Xô và phe XHCN đối với Việt Nam. Đây là một trong những tác nhân thúc đẩy việc cải thiện quan hệ EC - Việt Nam. Do đó ở Việt Nam giai đoạn này, các nước thành viên Cộng đồng

châu Âu, kể cả những nước trước đây không có cảm tình với Việt Nam, đều đã có những thay đổi trong chính sách đối ngoại với Việt Nam. Những năm 1975 - 1978, EC đã viện trợ cho Việt Nam 109 triệu USD, trong đó viện trợ trực tiếp là 68 triệu USD<sup>4</sup>. Trong thời gian này nhiều đoàn ngoại giao của các nước Tây Bắc Âu đã đến thăm Việt Nam.

Về phía Việt Nam, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, miền Nam được giải phóng, Việt Nam có nhu cầu mở rộng quan hệ với các nước, nhằm tranh thủ viện trợ, hợp tác quốc tế để tái thiết đất nước. Trong bối cảnh đó, Việt Nam chủ trương cải thiện quan hệ với các nước EC. Từ tháng 4 đến tháng 5 - 1977, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có các cuộc viếng thăm Pháp, Phấn Lan, Đan Mạch; đoàn Bộ ngoại giao do Thứ trưởng Nguyễn Cơ Thạch dẫn đầu và đoàn của Bộ ngoại thương do Thứ trưởng Nguyễn Văn Đào dẫn đầu đã thăm Italia năm 1977... Việt Nam đã ký với các nước nhiều hiệp định hợp tác kinh tế, viện trợ kỹ thuật. Từ giữa năm 1975 đến giữa năm 1978, quan hệ chính trị và kinh tế Việt Nam - EC được cải thiện rõ rệt. Viện trợ kinh tế của các nước trong tổ chức này cho Việt Nam chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng viện trợ nước ngoài cho Việt Nam.

Sau sự kiện Việt Nam đưa quân tình nguyện giúp Campuchia lật đổ chế độ diệt chủng, quan hệ giữa Việt Nam với các nước thuộc EC xấu đi. "Từ tháng 5 - 1979, Hội đồng châu Âu quyết định ngừng mọi viện trợ

\* Đại học quốc gia Hà Nội

trực tiếp cho Việt Nam với lý do Việt Nam đã "xâm chiếm" Campuchia, "vi phạm" nhân quyền và đẩy người ra đi (vấn đề thuyền nhân)<sup>5</sup>. Ở những mức độ khác nhau, các nước Tây Bắc Âu đều tham gia vào liên minh bao vây, cấm vận Việt Nam.

Chủ trương của Đảng ta lúc này là chú trọng tranh thủ những nước thuộc EC ủng hộ lập trường của Việt Nam về vấn đề lập Chính phủ 4 bên không có Pôn Pốt ở Campuchia, đồng thời tăng cường ngoại giao nhằm phân hoá liên minh chống phá cách mạng Việt Nam.

Sự kiện có ý nghĩa mở đường cho việc cải thiện, tăng cường quan hệ EC - Việt Nam đầu thập kỷ 80 là việc tháng 10-1983, Hội đồng châu Âu tuyên bố có thể viện trợ cho Việt Nam dưới hình thức viện trợ nhân đạo hay mang tính chất nhân đạo, thông qua một số tổ chức quốc tế hoặc tổ chức phi chính phủ<sup>6</sup>. Đây là tín hiệu tích cực trong quan hệ EC - Việt Nam, kể từ sau sự kiện Campuchia.

## 2. Quan hệ Việt Nam - Liên minh châu Âu thời kỳ đổi mới

ĐCS Việt Nam khởi xướng đường lối đổi mới vào lúc đất nước đang trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng. Mỹ và các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chính sách bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị đối với Việt Nam; các nước XHCN lâm vào khủng hoảng, đã tác động không thuận đến tình hình nước ta. Cách mạng Việt Nam lúc này đặt ra hai yêu cầu cấp bách: Một là, phải giải toả tình trạng căng thẳng, đối đầu của các thế lực thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận, nhằm tiến tới thiết lập quan hệ và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, tạo môi trường khu vực thuận lợi để xây dựng, phát triển đất nước. Hai là, phải đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa Việt Nam với các quốc gia khu vực, trong bối cảnh các nguồn viện trợ, đầu tư từ các nước XHCN Liên Xô và Đông Âu ngày càng giảm.

Trên cơ sở nhận thức đúng yêu cầu, nhiệm vụ của thực tiễn cách mạng Việt Nam và xu thế quốc tế, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986), Đảng ta nhận định: "... xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế - xã hội khác nhau, cũng là những điều kiện rất quan trọng

đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta"<sup>7</sup>. Tiếp đó, Đại hội VII (1991) Đảng ta khẳng định chủ trương "hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình"<sup>8</sup>, với phương châm "*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển*"<sup>9</sup>; mở rộng quan hệ đối ngoại trên cơ sở đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế; gia nhập các tổ chức quốc tế, các hiệp hội kinh tế khi cần thiết và có điều kiện. Đối với EC, chủ trương của Đảng ta là "Mở rộng sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi với các nước Bắc Âu, Tây Âu...và các nước phát triển khác"<sup>10</sup>.

Để tạo môi trường và điều kiện cho việc triển khai thực hiện chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, Việt Nam đã tiến hành những bước đi quan trọng:

- Rút quân tình nguyện ra khỏi Campuchia và tích cực hợp tác với các bên để sớm có giải pháp chính trị về Campuchia. Vì "vấn đề Campuchia" cũng là lý do mà một số nước EC nêu ra để ngừng mọi viện trợ cho Việt Nam và tham gia bao vây, cô lập nước ta kể từ cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Ngày 23-10-1991, Việt Nam tham gia ký Hiệp định Pari về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia. Đây là tiến đề quan trọng để khai thông và thúc đẩy quan hệ giữa Việt Nam với các quốc gia, trong đó có các nước thuộc khối EC.

- Từ sau năm 1986, cùng với việc chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN, Chính phủ Việt Nam đã từng bước tạo lập những điều kiện kinh tế và cơ sở pháp lý cho việc liên kết, hợp tác kinh tế với nước ngoài dưới nhiều hình thức. Tháng 12-1987, Quốc hội ban hành *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam*. Đây là lần đầu tiên Nhà nước ta tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam. Sau bốn lần được sửa đổi và bổ sung (vào năm 1990, 1992, 1996, 2000), *Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam* đã được điều chỉnh theo hướng mở cả với đầu tư nước ngoài cũng như với người đầu tư trong nước.

Trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, từ năm 1989, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện chủ trương "xoá bỏ tình

trạng độc quyền mang tính chất cửa quyền trong sản xuất và kinh doanh xuất, nhập khẩu. Khẩn trương kiện toàn tổ chức đầu tư<sup>11</sup>. So với chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ V (1982): "nhà nước độc quyền ngoại thương và Trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương"<sup>12</sup>, thì đây là bước đổi mới đầu tiên của Đảng và Chính phủ Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Đối với EC, Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng quan hệ với tổ chức này. Một mặt, nhằm làm phân hoá liên minh bao vây cô lập nước ta và qua mối quan hệ tốt với EC sẽ hỗ trợ cho quá trình mở rộng quan hệ đối ngoại của Việt Nam; mặt khác, việc thiết lập và mở rộng quan hệ với EC sẽ tạo điều kiện để tranh thủ nguồn vốn, khoa học kỹ thuật và thị trường của các nước EC cho phát triển nền kinh tế đất nước. Vì thế, trong đường lối, chính sách đối ngoại của mình, Đảng, Nhà nước Việt Nam khẳng định EC là đối tác chiến lược quan trọng.

Bước vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX, nhất là khi có thêm một số nước gia nhập EC và thành lập Liên minh châu Âu; công bố "Chiến lược mới đối với châu Á" (13-7-1994), thì quan hệ hợp tác EU với châu Á được tăng cường. Chiến lược mới đối với châu Á của EU nhằm tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của EU ở châu lục này, nơi mà EU chưa có vị trí tương xứng với tiềm lực của mình trong tương quan với các nước lớn như Trung Quốc, Nhật Bản và Mỹ. Trong chiến lược của mình, các nước thành viên EU cho rằng, Việt Nam là một nước có vị trí địa - tự nhiên và địa - chính trị quan trọng, có tiềm năng tài nguyên và nhân công thuận lợi cho phát triển kinh tế. Ngoài ra, quan hệ với Việt Nam có thể giúp EU mở rộng ảnh hưởng ra toàn Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Vì thế, Việt Nam chiếm vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của các nước thành viên EU. Với lý do trên, EU chủ trương tăng cường quan hệ với Việt Nam. Tại buổi tiếp Thủ tướng Võ Văn Kiệt (7-1993), ông J. Delors, Chủ tịch Ủy ban châu Âu khẳng định: "Liên minh châu Âu không thể có mặt khắp nơi trên thế giới, nhưng Việt Nam là nước phải được ưu tiên, được dành những tình cảm xứng đáng và sự giúp đỡ, hợp tác cần thiết"<sup>13</sup>.

Thực tế cho thấy nhu cầu thiết lập và mở rộng quan hệ Việt Nam - EU là khách quan, xuất phát từ việc hai bên đều nhận thức được lợi ích của mình thông qua quan hệ hữu nghị và hợp tác, do đó quan hệ Việt Nam - EU từ cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX có điều kiện phát triển thuận lợi.

Sự kiện lịch sử đánh dấu bước ngoặt phát triển quan hệ Việt Nam - EU là ngày 28-11-1990, Việt Nam và Liên minh châu Âu (lúc này là EC) chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ. Năm 1990, EC viện trợ cho Việt Nam 7 triệu USD để đưa công nhân từ Irắc về nước; năm 1991- 1994, viện trợ 125 triệu USD cho chương trình hồi hương và chương trình tái hoà nhập người di tản. Tháng 12-1992, Việt Nam - EU ký Hiệp định hàng dệt may (có hiệu lực từ năm 1993).

Trong những năm 1991-1995, đã diễn ra nhiều cuộc viếng thăm lẫn nhau của lãnh đạo và quan chức cao cấp Việt Nam và các nước thành viên EU. Phía Việt Nam có các chuyến thăm của Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cẩm (6-1992); chuyến thăm của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải (10-1992); chuyến thăm chính thức của Thủ tướng Võ Văn Kiệt (7-1993); chuyến thăm Nghị viện châu Âu của Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh (2-1995).

Từ sau năm 1995, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam đã tiến hành nhiều chuyến viếng thăm Ủy ban châu Âu, trong đó đặc biệt là chuyến thăm của Thủ tướng Phan Văn Khải (1998); Tổng bí thư Lê Khả Phiêu (2000). Tại các cuộc hội đàm, các quan chức EU khẳng định ủng hộ công cuộc đổi mới và tiến trình hội nhập khu vực, quốc tế của Việt Nam; ủng hộ việc bình thường hoá quan hệ Việt - Mỹ; hỗ trợ Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế như: ASEAN, APEC, WTO; tăng cường viện trợ phát triển và khuyến khích đầu tư vào Việt Nam.

Cũng trong thời gian này, nhiều phái đoàn cấp cao của các nước thành viên EU đã đến viếng thăm Việt Nam. Sự kiện ngoại giao nổi bật là chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Pháp F. Mitterrand (2-1993). Đây là lần đầu tiên nguyên thủ một nước phương Tây đến thăm Việt Nam. Tiếp theo có các chuyến thăm của Tổng thống Áo Th. Klestin; của Thủ tướng Hà Lan W. Kok; của Thủ tướng Thụy Điển... và các chuyến thăm của Bộ trưởng

Ngoại giao các nước Pháp, Anh, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan... Các đoàn cấp cao của tổ chức EU cũng đã đến nước ta: tháng 7-1994, ông Van Den Bruc, Ủy viên Ủy ban châu Âu phụ trách đối ngoại thăm Việt Nam; tháng 9-1995, Phó Chủ tịch Ủy ban châu Âu thăm Việt Nam<sup>14</sup>...

Các chuyến viếng thăm của các quan chức Việt Nam và EU trong thời kỳ này đã tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các bên, đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương giữa Việt Nam với EU. Nhiều dự án hợp tác được ký kết, các doanh nghiệp EU xâm nhập thị trường Việt Nam ngày càng nhiều; các hoạt động viện trợ nhân đạo phát triển.

Sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới trong tiến trình quan hệ Việt Nam - EU là vào tháng 7-1995 tại Brussel, hai bên chính thức ký Hiệp định khung hợp tác Việt Nam - EU. Về thương mại, hai bên thoả thuận dành cho nhau quy chế đãi ngộ tối huệ quốc (MFN). Về đầu tư, khuyến khích tăng cường đầu tư trên cơ sở tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho đầu tư tư nhân. Về quyền sở hữu trí tuệ, cải thiện các điều kiện nhằm bảo hộ, tăng cường quyền sở hữu trí tuệ, công nghiệp và thương mại theo tiêu chuẩn quốc tế cao nhất. Về hợp tác kinh tế, khuyến khích mở rộng hợp tác kinh tế; hỗ trợ Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường, cải thiện môi trường sản xuất, kinh doanh; khuyến khích hợp tác giữa các thành phần kinh tế của hai bên. Về khoa học và công nghệ, các bên khuyến khích hợp tác khoa học và công nghệ, bao gồm cả các lĩnh vực như tiêu chuẩn và kiểm tra chất lượng. Về hợp tác phát triển, EU sẵn sàng cung cấp viện trợ phát triển thông qua các chương trình và dự án cụ thể, nhằm giúp Việt Nam phát triển kinh tế bền vững và tiến bộ xã hội;... Việt Nam và EU đã khẳng định 6 mục tiêu hợp tác để thực hiện Hiệp định khung trong thời kỳ 1996 - 2000, đó là: Hỗ trợ các khu vực xã hội bị ảnh hưởng do việc chuyển đổi sang kinh tế thị trường; Hỗ trợ các hoạt động môi trường; Hỗ trợ phát triển các vùng nông thôn và miền núi gặp khó khăn; Tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi công nghệ nhằm phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp và kinh tế ở những khu vực trọng tâm và tăng cường buôn bán, đầu tư của

các nước EU vào Việt Nam; Tiếp tục hỗ trợ các cải cách kinh tế và hành chính; Hỗ trợ sự hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu của Việt Nam<sup>15</sup>.

Nhằm thực hiện chương trình hợp tác thương mại theo cam kết của Hiệp định khung, năm 1996 Việt Nam và EU thành lập Ủy ban hợp tác Việt Nam - EU; tháng 1-1996, Liên minh châu Âu cử Đại sứ thương mại tại Việt Nam.

Kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và EU ngày càng được mở rộng và phát triển. Kim ngạch thương mại hai chiều năm 1990 đạt gần 300 triệu USD; năm 1995 vượt trên 2 tỷ USD; năm 2002 đạt gần 5 tỷ USD. Trong số các nước EU có quan hệ thương mại với Việt Nam thì Cộng hoà liên bang Đức chiếm tỷ trọng 28,5% tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu Việt Nam - EU (đứng vị trí số 1); Cộng hoà Pháp chiếm 20,7%; Vương quốc Anh 12,7%; Cộng hoà Italia 9,6%; Bỉ và Luxembua 8,1%; Hà Lan 7,6%; Tây Ban Nha 4,2%; Thụy Điển 2,8%; Đan Mạch 2,2%; Áo 1,4%; Phần Lan 0,9%; Hy Lạp 0,4%; Bồ Đào Nha 0,4%<sup>16</sup>. Về nhập khẩu, năm 2002 đạt trên 1,8 tỷ USD, tăng gần 15% so với năm 1990. Về đầu tư, từ năm 1998 đến năm 2002 đã có 11 nước trong tổng số 15 nước EU đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với 315 dự án, vốn đăng ký đạt trên 5,9 tỷ USD<sup>17</sup>. Hiện nay, EU đang triển khai nhiều dự án với Việt Nam trên các lĩnh vực: hỗ trợ tài chính và kỹ thuật phát triển nông nghiệp và nông thôn, xoá đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, y tế sức khỏe, cải cách hệ thống ngân hàng, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ về kỹ thuật giúp Việt Nam gia nhập WTO.

Thực tế cho thấy, quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - EU từ sau năm 1990 phát triển nhanh, hai bên đã trở thành bạn hàng quan trọng của nhau. Đầu tư tư doanh nghiệp các nước thành viên EU được triển khai trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế quốc dân đã góp phần đáng kể vào quá trình xây dựng, phát triển kinh tế của Việt Nam. Mặc dù, kết quả hợp tác kinh tế Việt Nam - EU cho đến nay chưa tương xứng với tiềm năng của hai phía, nhưng triển vọng của mối quan hệ Việt Nam - EU trong thời gian tới là to lớn. Tháng 5-2004, Liên minh châu Âu kết nạp thêm 10 thành viên mới là: Ba

Lan, Hungari, Cộng hoà Séc, Xiôvakia, Xiôvênia, Extônia, Latvia, Litva, Cộng hoà Síp và Manta, đưa tổng số thành viên của EU lên 25 nước, với dân số 450 triệu người (năm 1995 Thụy Điển, Áo, Phần Lan gia nhập EU). Đây là sự kiện hết sức quan trọng, đánh dấu bước mở rộng lớn nhất của tiến trình nhất thể hoá châu Âu kể từ năm 1957. Sự kiện này đã tác động lớn đến tình hình kinh tế, chính trị... của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Về mặt thuận lợi, việc mở rộng EU đã tạo ra một thị trường mới rộng lớn (bằng cả Mỹ, Nhật Bản và Canada); tạo nên một hệ thống thương mại thống nhất, một chế độ quản lý thống nhất theo quy chế chung của Liên minh châu Âu. Những yếu tố trên đây tạo cơ hội cho nước ta mở rộng thị trường và nâng cao kim ngạch thương mại với EU trong tương lai. Tuy nhiên, việc mở rộng EU cũng đặt ra những thách thức mới đối với các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có việc nhiều hàng hoá của Việt Nam, nhất là các sản phẩm dệt may xuất sang các nước Đông Âu (thị trường truyền thống) trước đây không bị hạn ngạch, thì sắp tới sẽ phải chịu hạn ngạch theo quy định chung của EU; quan hệ thương mại và đầu tư của Việt Nam vào thị trường truyền thống các nước Trung và Đông Âu, phải tuân theo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của EU như: chất lượng vệ sinh thực phẩm, an toàn cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn lao động; việc EU thường gắn vấn đề nhân quyền, dân chủ và vấn đề môi trường... một cách cứng nhắc vào chính sách đối ngoại của họ, cũng là một trở ngại trong quá trình phát triển quan hệ hợp tác Việt Nam - EU...

Nhìn chung, quan hệ Việt Nam - EU từ sau năm 1986 phát triển tốt đẹp trên các lĩnh vực quan hệ chính trị và hợp tác kinh tế, thương mại. Hiện nay, Việt Nam tiếp tục khẳng định: "EU là đối tác chiến lược quan trọng trong thế kỷ XXI"<sup>16</sup>. Để khai thác tốt hiệu quả hợp tác với EU, cần phải quán triệt quan điểm, đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở của Đảng theo phương châm: "Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh và cạnh tranh; vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức, do đó cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của

hội nhập tuy theo đối tượng vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể"<sup>17</sup>, phát huy những mặt đồng thuận và đấu tranh xử lý những mặt bất đồng trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên cùng có lợi.

1, 16. Theo: Trung tâm tư vấn và đào tạo kinh tế thương mại (ICTC): *Những điều cần biết về thị trường EU*, NXB Nông nghiệp, H, 1997, tr.7-12, theo tài liệu này ngày 18-4-1951 các nước: Đức, Pháp, Ý, Hà Lan, Bỉ và Luxembua đã tiến hành ký Hiệp ước thiết lập "Cộng đồng than thép châu Âu" (gọi tắt là CECA), có hiệu lực từ ngày 23-7-1952. Ngày 25-3-1957, Chính phủ các nước thành viên của CECA ký kết Hiệp ước thành lập "Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" (EURATOM) và Hiệp ước thành lập "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC). Ngày 8-4-1965, thành viên của CECA, EURATOM và EEC đã ký Hiệp ước thống nhất ba tổ chức trên, thành lập một hội đồng duy nhất với tên gọi: "Hiệp ước về Cộng đồng châu Âu" (EC). Ngày 7-2-1992, nguyên thủ 12 quốc gia (6 nước CECA và 6 nước mới là Anh, Đan Mạch, Cộng hòa Ai Len (gia nhập EC năm 1973, Hy Lạp (1981), Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha (1986), đã ký hiệp ước thành lập EU; tr.19-20

2. Theo Nguyễn Duy Quang: "Tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước Liên minh châu Âu cho phát triển kinh tế Việt Nam", *Tạp chí Lý luận chính trị*, 4-2004, tr. 27-30

3, 4, 5, 6, 14. Xem: Học viện Quan hệ quốc tế (TS Vũ Dương Hoàn- Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam hiện đại và sự nghiệp đổi mới (1975-2002)*, lưu hành nội bộ, H, 2002, tr. 381, 385, 387, 388, 393-394

7. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, ST, H, 1987, tr. 31

8, 9, 10. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, ST, H, 1991, tr. 88, 147, 90

11. Đảng cộng sản Việt Nam: *Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá VI*, H, 1989, tr.30

12. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, ST, H, 1982, tr.70

13, 15. Bộ Ngoại giao, vụ Tổng hợp kinh tế: *Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế của Việt Nam*, CTQG, H, 1999, tr. 228, 226-227; 227-228

17. Theo Trần Nguyễn Tuyên: "Thực trạng và triển vọng phát triển quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu", *Tạp chí Lý luận chính trị*, 7-2004, tr. 35

18. Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Viện quan hệ quốc tế: *Thông tin nghiên cứu quốc tế*, Số 4 (10-12-2003), tr. 17

19. Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam (27-11-2001): *Nghị quyết về hội nhập kinh tế quốc tế*, theo Báo Hà Nội mới, ngày 3-12-2001.